

Bản án số: 15/2024/HSST
Ngày 11 - 4 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Đăng Khánh Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hà

Ông Vũ Mạnh Tuấn

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Công Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2024/HSST ngày 18/3/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-HS ngày 29/3/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Ngọc T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 21 tháng 4 năm 1997; nơi cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc B, sinh năm 1956 và con bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957; vợ: KSOR H' CHIN, sinh năm 1995 (đã ly hôn); con: chưa có; tiền sự: Không; Tiền án: 02 tiền án: Tại bản án số 29/HSST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Sông Lô xử phạt Tiến 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, T đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/11/2020 nhưng chưa được xoá án tích.

Tại Bản án số 119/HSST ngày 04/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xử phạt 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy T đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/5/2023 nhưng chưa được xoá án tích.

Nhân thân: Năm 2013 bị Chủ tịch UBND huyện Lập Thạch quyết định đưa vào Trường giáo dưỡng thời hạn 02 năm theo Quyết định số 885 ngày 05/8/2013, T đã chấp hành xong và đã được xoá tiền sự.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/12/2023, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị Nha Tr, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn Th, xã Đ, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh phúc (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 28/12/2023, Trần Ngọc T là đối tượng nghiện ma túy đang ở nhà thì lên con thềm chất ma túy nên điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave, BKS 88D1 - 537.19 đi đến khu vực hồ Ngọc Đá, xã Y, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc để tìm người bán ma túy mua về sử dụng. Tại đây, Tiến gặp một người đàn ông (T khai không biết tên, lý lịch và địa chỉ cụ thể) và mua của người này 02 gói ma túy với giá 500.000 đồng. Mua xong Tiến đút ma túy vào trong túi áo khoác đang mặc của mình rồi điều khiển xe mô tô đi về tìm nơi sử dụng. Khi đến khu vực đường liên xã thuộc thôn Th, xã Đ, huyện Sông Lô thì bị lực lượng Công an huyện Sông Lô kiểm tra, phát hiện thu giữ vật chứng, gồm: Thu giữ tại túi áo khoác của T có 02 gói nhỏ được gói ngoài bằng nilon, trong đó 01 gói nilon màu trong suốt bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng; 01 gói nilon màu đỏ được bịt kín hai đầu (T tự khai nhận là 02 gói ma túy đá mua giá 500.000 đồng về nhưng sử dụng thì bị bắt giữ) và được niêm phong ký hiệu A1; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu HONOR loại màn hình cảm ứng cũ, vỏ màu đen và 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave, gắn BKS 88D1 - 537.19 và Công an tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang theo quy định pháp luật.

Tại kết luận giám định số 02/KLGD ngày 01/01/2024 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận: *Tinh thể dạng đá màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,2907g (không phải hai chín không bảy gam, không kể bao bì) loại Methamphetamine.*

Tại Cơ quan điều tra, Trần Ngọc T đã thành khẩn khai nhận rõ hành vi phạm tội nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 14/CT - VKSSL ngày 14/3/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô đã truy tố Trần Ngọc T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô luận tội đối với bị cáo T giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo T. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm

o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo T.

Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Ngọc T từ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù đến 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 28/12/2023). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình, ăn năn hối hận. Bị cáo nhất trí với bản luận tội của đại diện viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng bị cáo nhận thức được sai phạm về hành vi đã thực hiện và xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Sông Lô, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, vật chứng thu giữ được cùng với các tài liệu, chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nội dung cáo trạng đã được đại diện Viện kiểm sát công bố tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 28/12/2023, tại đoạn đường liên thôn thuộc thôn Th, xã Đ, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, Công an huyện Sông Lô phát hiện bắt quả tang Trần Ngọc T đang có hành vi tàng trữ trái phép 02 gói ma túy Methamphetamine có khối lượng là 0,2907 gam và thu giữ toàn bộ vật chứng liên quan đến vụ án.

Bị cáo Trần Ngọc Tiến đang có 02 tiền án về các tội Trộm cắp tài sản và Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tại Bản án số 119/HSST ngày 04/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đã áp dụng điểm h “Tái phạm” khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt tù đối với T, bị cáo chưa được xoá án tích thì tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Hành vi nêu trên của bị cáo Tiến đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Điều luật quy định: “2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:...

...o) Tái phạm nguy hiểm”

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tính độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy. Bị cáo nhận thức được những ảnh hưởng xấu của ma túy đến sức khỏe của bản thân và cộng đồng xã hội, bản thân bị cáo đã bị xét xử về tội liên quan về ma túy nhưng do bản thân bị cáo là người nghiện ma túy nên đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy mục đích để sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo không những gây mất trật tự trị an xã hội mà còn làm tệ nạn ma túy ngày càng lan rộng và phát triển mạnh hơn trong đời sống. Từ tệ nạn ma túy là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; Bỏ để bị cáo là người có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương chiến sỹ vẻ vang nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người nghiện ma túy, không có việc làm và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền được quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[7] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Đối với 0,2408 gam ma túy Methamphetamine là mẫu vật hoàn lại sau giám định cùng toàn bộ bao gói là chất Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu HONOR là tài sản hợp pháp của T, không sử dụng vào việc phạm tội nên cần xem xét trả lại cho T nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án .

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave, gắn BKS 88D1 - 537.19 là tài sản thuộc quyền quản lý và sử dụng của chị Trần Thị Nha Tr (là chị gái T). Việc Tiến sử dụng chiếc xe để đi mua ma túy chị Tr không biết nên cần xem xét trả lại cho chị Tr là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Đối với người bán ma túy cho Trần Ngọc T tại khu vực hồ Ngọc Đá xã Yên Thạch, huyện Sông Lô do T khai không biết họ tên cụ thể, địa chỉ và không nhận dạng được người đàn ông này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh điều tra làm rõ để xử lý theo quy định pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo Trần Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21,

điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 28/12/2023).

3. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy mẫu trả do cơ quan giám định hoàn trả sau giám định cùng toàn bộ bao gói được niêm phong trong cùng một bao gói giấy “MẪU TRẢ”, A1 = 0,2408 gam ma túy Methamphetamine.

Trả lại cho Trần Ngọc T 01 điện thoại di động nhãn hiệu HONOR, loại màn hình cảm ứng, vỏ màu đen.

Trả lại cho chị Trần Thị Nha Tr 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave, sơn màu xanh đen gắn BKS 88D1 - 537.19.

(Các vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Sông Lô và Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Lô).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Ngọc T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cơ quan THAHS CA huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô;
- Công an huyện Sông Lô;
- Ủy ban nhân dân xã Xuân Lôi;
- Bị cáo; Người TGTT;
- Lưu hồ sơ; Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Khương Đặng Khánh Hằng

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khương Đặng Khánh Hằng